TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 57 /2021/HC-PT
Ngày 09/3/2021

"V/v khởi kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực thu hồi đất, bồi thường giải phóng mặt bằng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Võ Hồng Sơn;
Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thanh Xuân;
Ông Nguyễn Xuân Phách.

Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Ngọc Chuyền - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Mai - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 09 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử công khai phúc thẩm vụ án hành chính thụ lý số 380/2020/TLPT-HC ngày 28 tháng 7 năm 2020 về việc "Khởi kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực thu hồi đất, bồi thường giải phóng mặt bằng", do có kháng cáo của người khởi kiện đối với bản án hành chính sơ thẩm số 56/2020/HC-ST ngày 25 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 799/2021/QĐ-PT ngày 22 tháng 02 năm 2021 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, giữa các đương sự:

**** Người khởi kiện***:

Bà Lê Thị N, sinh năm 1944; Địa chỉ: Phòng 1109 N02, ngõ 84 CL, quận Đ Đ, thành phố Hà Nội (có mặt).

- *Bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bà Lê Thị N*: Luật sư Phạm Thị H - Công ty Luật Hợp danh HV, Đoàn luật sư thành phố Hà Nội (có mặt).

**** Người bị kiện***:

- Chủ tịch Uỷ ban nhân dân thành phố Hà Nội;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Trọng Đ - Phó Chủ tịch Uỷ ban nhân dân thành phố Hà Nội (vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Chủ tịch Uỷ ban nhân dân và Uỷ ban nhân dân (UBND) quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hoàng G - Phó Chủ tịch UBND quận ĐĐ(vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt).

**** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:***

- UBND phường TP, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Hứa Thị Xuân L - Chủ tịch UBND phường TP (vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Ông Nguyễn Xuân D, sinh năm 1943 (vắng mặt);

- Anh Nguyễn Minh T, sinh năm 1971 (vắng mặt);

- Chị Nguyễn Thanh T1, sinh năm 1980 (vắng mặt);

Cùng trú tại địa chỉ: Phòng 1104 N02, ngõ 84 CL, quận ĐĐ, thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và những lời trình bày tiếp theo tại Tòa án, người khởi kiện là bà Lê Thị N trình bày như sau*:

Thực hiện dự án giải phóng mặt bằng các hộ dân đang sinh sống trong khuôn viên Chùa Phụng Thánh, phường TP, quận ĐĐ, Hà Nội. Ngày 28/12/2012, UBND quận ĐĐ ban hành Quyết định số 7373/QĐ-UBND (gọi, viết tắt là Quyết định số 7373) thu hồi 63,5 m² đất của hộ gia đình bà N trong tổng số 81,2 m² đất gia đình bà đang thực tế sử dụng.

Ngày 13/11/2013, UBND quận ĐĐ ban hành Quyết định số 9702/QĐ-UBND (gọi, viết tắt là Quyết định số 9702) điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 7373. Theo Quyết định số 9702, diện tích đất gia đình bà N bị thu hồi bổ sung là 17,7 m² vì theo QĐ số 15/2011/QĐ-UBND ngày 06/05/2011 của UBND thành phố Hà nội thì kích thước hình thể còn lại của diện tích đất gia đình bà N không đủ điều kiện để xây dựng nhà ở.

Ngày 18/11/2013, UBND quận ĐĐ ban hành Quyết định số 9781/QĐ-UBND (gọi, viết tắt là Quyết định số 9781), phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ cho hộ gia đình bà N với nội dung thu hồi của gia đình bà N 81,2 m² đất nhưng chỉ bồi thường cho bà 64,8 m² đất, còn 16,4 m² không được bồi thường mà chỉ được hỗ trợ công tôn tạo đất là 50.000 đồng/m². Không đồng ý với Quyết định số 9781, bà khiếu nại đến Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội và Chủ tịch UBND quận Đống Đa.

Ngày 11/5/2016, Chủ tịch UBND quận ĐĐ ban hành Quyết định số 1950/QĐ-UBND (gọi, viết tắt là Quyết định số 1950) giải quyết khiếu nại của bà N, theo đó đồng ý lập phương án phê duyệt bổ sung đền bù thêm cho bà 6,2 m², còn lại 10,2 m² thì chính quyền xác định đất thuộc hành lang bảo vệ mương thoát nước, nên không được bồi thường.

Ngày 26/9/2016, Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 5320/QĐ-UBND (gọi, viết tắt là Quyết định số 5320) nội dung là giữ nguyên Quyết định số 1950/QĐ-UBND ngày 11/5/2016 của Chủ tịch UBND quận Đống Đa.

Đến ngày 20/12/2016, UBND quận ĐĐ ban hành Quyết định số 6020/QĐ-UBND (gọi, viết tắt là Quyết định số 6020) phê duyệt điều chỉnh tăng diện tích đất bà N được bồi thường thêm là 6,2 m², với số tiền bồi thường tăng 209.944.400 đồng.

Không đồng ý với Quyết định số 6020, bà đã có đơn kiến nghị đề nghị xem xét được bồi thường 10,2 m² đất còn lại của gia đình bà.

Ngày 03/7/2018, UBND quận ĐĐ ban hành văn bản 1160/UBND-BQLDADDTXD trả lời bà, theo đó vẫn kết luận phần diện tích 10,2 m² không được bồi thường.

Ngày 04/4/2018, HĐGPMB quận ĐĐ ban hành Công văn số 74/HĐ trả lời và kết luận phần diện tích 10,2 m² bà đề nghị được bồi thường là không có cơ sở giải quyết.

Trong các ngày 15/7/2018 và ngày 7/8/2018, bà N có đơn khởi kiện đến Tòa án yêu cầu hủy văn bản số 1160 và số 74; hủy Quyết định số 9781 và số 6020; hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 1950 và Quyết định số 5320.

** Người bị kiện là Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội do người đại diện theo ủy quyền trình bày*:

Bà Lê Thị N khiếu nại Quyết định số 9781 về việc phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ đối với diện tích 16,4 m² gia đình bà đang quản lý sử dụng. Bà cho rằng toàn bộ diện tích 81,2 m² đất gia đình bà sử dụng từ trước ngày 15/10/1993, diện tích tăng 10,2 m² tăng so với bản đồ năm 1994 phải được bồi thường 100%.

Theo Kết luận của Thanh tra thành phố Hà Nội số 2469/BC-TTTP ngày 23/8/2016 đã xác định: Toàn bộ diện tích 71 m² tại thửa đất 278a, tờ bản đồ 6H-1-08 năm 1994 của hộ gia đình bà N đã được bồi thường 100% diện tích đất theo đúng quy định tại điểm c, khoản 5, Điều 7 Quyết định 108/QĐ-UBND ngày 29/9/2009 của UBND thành phố Hà Nội. Phần diện tích 10,2 m² đất không nằm trong thửa đất 278a, không có tài liệu nào chứng minh gia đình bà N sử dụng trước 15/10/1993, UBND phường TP xác định là đất trong phạm vi hành lang bảo vệ mương thoát nước theo quyết định 193/2005/QĐ-UBND ngày 18/11/2005 của UBND thành phố Hà Nội. Bà N không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh và khiếu nại cho rằng toàn bộ diện tích 81,2 m² gia đình bà sử dụng trước ngày 15/10/1993 nên phần diện tích 10,2 m² tăng thêm so với bản đồ năm 1994 đủ điều kiện bồi thường 100% về đất là sai.

Quyết định số 5320 của Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội ban hành đúng trình tự thủ tục, đúng quy định của pháp luật.

** Ý kiến của UBND và Chủ tịch UBND quận Đống Đa*:

Căn cứ Điều 31 Quyết định số 108/2009/QĐ-UBND ngày 29/9/2009 của UBND Thành phố Hà Nội:

Ngày 18/11/2013, UBND quận ĐĐ ban hành quyết định số 9781 phê duyệt phương án bồi thường và Quyết định số 6020 phê duyệt phương án điều

chỉnh bổ sung đối với hộ gia đình bà Lê Thị N là thực hiện theo đúng thẩm quyền, đúng quy định của pháp luật.

* Về chính sách bồi thường: Căn cứ Điều 17 Quyết định số 108/2009 ngày 29/9/2009 của UBND Thành phố Hà Nội:

Bồi thường 100% đơn giá đất ở đối với diện tích 64,8 m² sử dụng trước ngày 15/10/1993:

+ 64, 8 m² X 18.840.000 đồng/m² X 1,8 X 100% = 2.197.497.000 đồng.

+ Hỗ trợ công tôn tạo đối với diện tích 16,4 m² nằm trong hành lang mương thoát nước:

+ 16,4 m² X 50.000 đồng/m² = 820.000 đồng.

+ Bồi thường, hỗ trợ về nhà và tài sản trên đất: 87.444.010 đồng

+ Đền bù cây cối hoa màu: 178.000 đồng

+ Các khoản hỗ trợ khác: 15.960.000 đồng

+ Thưởng tiến độ: 5.000.000 đồng

Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ: 2.306.899.610 đồng và xét mua 01 căn hộ tái định cư.

- Ngày 20/12/2016, UBND quận ĐĐ ban hành Quyết định số 6020 phê duyệt phương án điều chỉnh bổ sung về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với hộ gia đình bà Lê Thị N, cụ thể:

+ Tăng số tiền đền bù về đất thêm 209.944.440 đồng.

+ Tổng số tiền đền bù, hỗ trợ sau điều chỉnh: 2.511.844.010 đồng (Lý do điều chỉnh: UBND phường TP xác nhận bổ sung diện tích 6,2 m^2 hộ gia đình bà N đang sử dụng có nằm trong bản đồ địa chính năm 1994, được bồi thường 100% đơn giá đất ở).

Như vậy, UBND quận ĐĐ đã lập, phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư đối với hộ gia đình bà Lê Thị N theo đúng trình tự, thủ tục và chính sách bồi thường, hỗ trợ đúng quy định.

Đối với Quyết định số 1950 giải quyết khiếu nại đối với bà Lê Thị N.

Bà Lê Thị N khiếu nại Quyết định số 9781 phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB đối với phần diện tích 16,4 m² đất gia đình đang sử dụng.

UBND quận ĐĐ đã giao cho Thanh tra quận xác minh, làm rõ nội dung khiếu nại của bà N.

Trên cơ sở báo cáo xác minh của Thanh tra quận ĐĐ ngày 28/4/2016, thể hiện: Diện tích 6,2 m² đất của gia đình bà Lê Thị N bị thu hồi nằm trong thửa đất 278a tờ bản đồ địa chính 6H-I-08. Phần diện tích đất 10,2 m² không nằm trong thửa đất 278a tờ bản đồ 6H-I-08 do UBND phường TP quản lý, phần diện tích đất này nằm trong hành lang bảo vệ mương thoát nước theo quyết định số 6032/QD-UB ngày 11/11/1993 của UBND Thành phố nay được thay thế bằng quyết định 193/2005/QĐ-UB ngày 18/11/2005.

Việc bà Lê Thị N đề nghị được bồi thường đền bù hỗ trợ 100% đối với diện tích 10,2 m² đất còn lại là không có cơ sở. Diện tích 10,2 m² đất này nằm trong hành lang mương nên chỉ được hỗ trợ công tôn tạo.

Như vậy, Quyết định số 1950 giải quyết khiếu nại lần đầu đối với bà Lê Thị N là đúng trình tự thủ tục, đúng quy định của pháp luật.

Các văn bản trả lời kiến nghị đối với bà Lê Thị N đã phản ánh đúng, có căn cứ pháp luật.

** Ý kiến của UBND phường TP*:

Căn cứ giấy biên nhận tiền bán nhà ngày 02/1/1968 của ông Nguyễn Kim B nhượng lại cho bà Lê Thị N với diện tích nhà 20 m², bếp 06 m², sân phơi 8 m² = tổng cộng là 34 m² (giấy viết tay). Căn cứ bản đồ năm 1994 và sổ địa chính, diện tích đất gia đình bà N sử dụng thuộc thửa 278a, tờ bản đồ 6H-I-08 với diện tích 71 m².

Hiện trạng sử dụng đất năm 2012, diện tích đất thực tế 81,2 m². Trong đó có 63,5 m² nằm trong phạm vi GPMB. Phần diện tích còn lại 17,7 m² thuộc phạm vi cải tạo dự án mương L1A Linh Quang - Xã Đàn.

Ngày 08/1/2016, UBND phường xác nhận điều chỉnh bổ sung lần 2 về nguồn gốc đất, hiện trạng sử dụng đất và tài sản trên đất nằm trong phạm vi thu hồi đất, xác nhận thửa đất của hộ gia đình bà Lê Thị N đang sử dụng với tổng diện tích 81,2 m² cụ thể:

+ 63,5 m² sử dụng trước 15/10/1993.

+ Diện tích 17,7 m² nằm ngoài chỉ giới GPMB không đủ điều kiện tồn tại theo quy định đề nghị thu hồi nốt, trong đó có:

+ 1,3 m² được sử dụng trước 15/10/1993.

+ Trong 16,4 m² đất còn lại có 6,2 m² thuộc thửa đất 278a tờ bản đồ địa chính 6H-I-08 do UBND phường TP quản lý, phần diện tích 10,2 m² không nằm trong thửa đất 278a tờ bản đồ 6H-I-08 do UBND phường TP quản lý.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác gồm ông Nguyễn Xuân D, anh Nguyễn Minh T, chị Nguyễn Minh T1 là chồng và các con bà N trình bày*:

Nhất trí với ý kiến của bà N, và đề nghị được vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết và xét xử vụ án.

* Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 56/2020/HC-ST ngày 25/5/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 3, các Điều 30, 32, 116, 193, 194, 204 và Điều 206 Luật tố tụng hành chính; căn cứ Luật đất đai năm 2003 và năm 2013; căn cứ Luật khiếu nại năm 2011;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí, xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị N yêu cầu hủy:

- Văn bản số 74/HĐ ngày 4/4/2018 của Hội đồng bồi thường tái định cư quận Đống Đa.

- Văn bản số 1160/ UBND -BQLDAĐTXD ngày 03/7/2018 của Ủy ban nhân dân quận ĐĐ.

- Quyết định số 9781/QĐ-UBND ngày 18/11/2013 và Quyết định số 6020/QĐ-UBND ngày 20/12/2016 của UBND quận ĐĐ về việc phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ bổ sung;

- Quyết định số 1950/QĐ-UBND ngày 11/5/2016 của Chủ tịch UBND quận ĐĐ về việc giải quyết khiếu nại;

- Quyết định số 5320/QĐ-UBND ngày 26/9/2016 của Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội về việc giải quyết khiếu nại.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

- Ngày 04/6/2020, người khởi kiện là bà Lê Thị N có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm nêu trên.

* Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người khởi kiện là bà Lê Thị N giữ nguyên nội dung kháng cáo.

- Quan điểm của Luật sư Phạm Thị H bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bà N trình bày như sau:

Về tố tụng: Trước khi có các văn bản tiếp theo thì UBND phường đã có xác nhận bà N sử dụng toàn bộ diện tích đất còn lại 81,2 m^2 là sử dụng từ trước năm 1993; các Quyết định 1950 và 5320 là các quyết định giải quyết khiếu nại nên Chủ tịch UBND là người phải ký các quyết định này nhưng hồ sơ thể hiện các quyết định này ban hành với tư cách là UBND là sai quy định.

Về nội dung: Bà N sử dụng toàn bộ diện tích đất này từ những năm 1968 do mua lại của người khác (có giấy tờ mua bán trong hồ sơ), quá trình sử dụng đã bồi đắp thêm do đất có vị trí tiếp giáp với hồ nước, quá trình sử dụng đất bà N tuân thủ đầy đủ các quy định của Nhà nước nên không bị các cơ quan có thẩm quyền xử lý, khi có quy hoạch thì bà N vẫn thực tế sử dụng diện tích đất còn lại là 81,2 m^2 nhưng cơ quan có thẩm quyền ghi trong bản đồ 71 m^2 là do sai từ phía cơ quan có thẩm quyền chứ không phải lỗi do bà N, trên đất được cho là quy hoạch mương nước thì các tài sản của bà N như cây lưu niên và các công trình kiến trúc khác vẫn tồn tại từ trước khi có quy hoạch mương nước. Đồng thời, gia đình bà N có hoàn cảnh rất khó khăn, bà N đang phải nuôi chồng đang bị tai biến mạch máu não cùng 02 người con có bệnh bẩm sinh trí tuệ không bình thường. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà N.

- Người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đứng về phía người bị kiện vắng mặt tại phiên tòa nhưng tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan điểm đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu ý kiến đánh giá việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án hành chính ở giai đoạn phúc thẩm là đúng pháp luật, kháng cáo hợp lệ nên được xem xét. Về nội dung: Qua xem xét toàn bộ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh luận tại phiên tòa thấy: Theo giấy mua bán chuyển nhượng đất thì bà N mua 34 m^2 đất vào năm 1968; trong quá trình sử dụng, bà N đã cơi nới thửa đất rộng thành hơn 144 m^2 và đã chuyển nhượng 02 lần cho 2 chủ khác nhau và hiện nay diện tích đất thực tế bà N đang sử dụng là 81,2 m^2. Quá trình giải quyết bồi thường, đền bù đất thì cấp có thẩm quyền đã bồi thường cho bà 71 m^2, diện tích đất 10,2 m^2 còn lại là hành lang mương thoát nước nên không được bồi thường là đúng. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 241 Luật tố tụng hành chính, không nhận kháng cáo của bà Lê Thị N, giữ nguyên các quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra công khai tại phiên tòa; nghe các ý kiến trình bày của phía người khởi kiện, quan điểm của người bảo về quyền, lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện, xem xét ý kiến của người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội; Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Xác định đối tượng khởi kiện và thẩm quyền giải quyết vụ án hành chính:

Theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Luật tố tụng hành chính và Nghị Quvết số 01/2015/NQ-HĐTP ngày 15/1/2015 của Hội đồng thẩm phán tòa án nhân dân tối cao, đối tượng khởi kiện trong vụ án là Quyết định số 5320/QĐ-UBND ngày 26/9/2016 của Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội; Quyết định số 1950/QĐ-UBND ngày 11/5/2016 của Chủ tịch UBND quận ĐĐ giải quyết khiếu nại; Quyết định số 9781/QĐ-UBND ngày 18/11/2013 của UBND quận ĐĐphê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ và Quyết định số 6020/QĐ-UBND ngày 20/12/2016 của UBND quận ĐĐ phê duyệt phương án điều chỉnh, đây là các quyết định hành chính thuộc đối tượng khởi kiện. Văn bản số 74/HĐ và Văn bản số 1160/UBND-BQLDAĐTXD ngày 03/7/2018 của UBND quận ĐĐ tuy không phải là quyết định hành chính nhưng có nội dung chứa đựng và đáp ứng theo khoản 1, 2 Điều 3 Luật tố tụng hành chính nên đồng thời cũng là đối tượng khởi kiện.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 30, khoản 3 Điều 32 Luật tố tụng hành chính, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội thụ lý giải quyết là đúng quy định.

Về thời hiệu khởi kiện: Ngày 15/7/2018, bà Lê Thị N có đơn khởi kiện đến Tòa án yêu cầu hủy Văn bản số 1160/UBND-BQLDADDTXD ngày 03/7/2018 và số 74/HĐ ngày 01/4/2018 của Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng quận ĐĐ.

Ngày 07/8/2018, bà Lê Thị N có đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 5320/QĐ-UBND ngày 26/9/2016 của Chủ

tịch UBND thành phố Hà Nội và Quyết định số 9781/QĐ-UBND ngày 18/11/2013 của UBND quận ĐĐ.

Xét thấy các Văn bản số 74/HĐ và 1160/UBND-BQLDADDTXD ngày 03/7/2018 còn thời hiệu khởi kiện và có xem xét đến các Quyết định giải quyết khiếu nại số 5320, số 1950 và Quyết định phê duyệt phương án bồi thường số 9781 và số 6020 đang bị khởi kiện nên cũng được xem xét theo quy định tại Điều 193 Luật tố tụng hành chính.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bà Lê Thị N có đơn kháng cáo hợp lệ theo quy định tại Điều 205 và Điều 206 Luật tố tụng hành chính.

[2]. Xét về nội dung:

[2.1]. Xét Quyết định số 9781/QĐ-UBND ngày 18/11/2013 và Quyết định số 6020/QĐ-UBND ngày 20/12/2016 của UBND quận ĐĐ về việc phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ bổ sung:

* Về trình tự, thủ tục, căn cứ ban hành:

Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và ủy ban nhân dân, Luật Tổ chức chính quyền địa phương; Căn cứ Luật đất đai năm 2003, năm 2013; Căn cứ Quyết định số 7373/QĐ-UBND ngày 28/12/2012 và Quyết định số 9702/QĐ-UBND ngày 13/11/2013 về thu hồi đất của UBND quận ĐĐ; Căn cứ Quyết định số 108/2009/QĐ-UBND ngày 29/09/2009 của UBND thành phố Hà Nội về bồi thường hỗ trợ và tái định cư; Căn cứ Quyết định số 9779/QĐ-UBND ngày 18/11/2013 của UBND quận ĐĐ về việc phê duyệt phương án bồi thường tái định cư đối với 10 hộ gia đình thuộc diện GPMB, UBND quận ĐĐ ban hành; Quyết định số 9718/QĐ-UBND ngày 18/11/2013, Quyết định số 1950/QĐ-UBND ngày 11/5/2016 của Chủ tịch UBND quận ĐĐ; Căn cứ Quyết định số 5320/QĐ-UBND ngày 26/9/2016 của Chủ tịch ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội.

Quyết định số 9781/QĐ-UBND ngày 18/11/2013 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng là đúng trình tự thủ tục, đúng căn cứ.

* Về nguồn gốc đất: Theo giấy biên nhận tiền bán nhà ngày 02/1/1968 của ông Nguyễn Kim B nhượng lại cho bà Lê Thị N với diện tích nhà 20 m², bếp 06 m², sân phơi 8 m², tổng cộng là 34 m² (giấy viết tay) không có vị trí cụ thể, quá trình sử dụng bà N đã bồi đắp thêm được một diện tích là hơn 144 m^2. Theo bà N khai năm 1985, bà đã bán cho bà L 8 m² và bán cho Đặng Văn H1 một căn nhà lá với giá 95.000 đồng. Căn cứ bản đồ địa chính, sổ địa chính năm 1994, diện tích đất còn lại của gia đình bà N sau khi đã chuyển nhượng năm 1985 là 71 m² thuộc thửa 278a, tờ bản đồ 6H-I-08.

Hiện trạng sử dụng đất năm 2012, diện tích đất thực tế 81,2 m². Trong đó có 63,5 m² nằm trong phạm vi GPMB. Phần diện tích còn lại 17,7 m² thuộc phạm vi cải tạo dự án mương L1A Linh Quang- Xã Đàn.

Ngày 08/1/2016, UBND phường xác nhận điều chỉnh bổ sung lần 2 về nguồn gốc đất, hiện trạng sử dụng đất và tài sản trên đất nằm trong phạm vi thu

hồi đất, xác nhận thửa đất của hộ gia đình bà Lê Thị N đang sử dụng với tổng diện tích 81,2 m², cụ thể:

+ 63,5 m² sử dụng trước 15/10/1993

+ Diện tích 17,7 m² nằm ngoài chỉ giới GPMB không đủ điều kiện tồn tại theo quy định đề nghị thu hồi nốt, trong đó có:

+ 1,3 m² được sử dụng trước 15/10/1993

+ 16,4 m² có 6,2 m² thuộc thửa đất số 278a tờ bản đồ địa chính 6H-I-08 do UBND phường TP quản lý, phần diện tích 10,2 m² không nằm trong thửa đất 278a tờ bản đồ 6H-I-08 do UBND phường TP quản lý.

* Về chính sách bồi thường hỗ trợ:

- Căn cứ Luật đất đai năm 2003, năm 2013

- Căn cứ Quyết định số 108/QĐ-UBND ngày 29/9/2009 của UBND thành phố Hà Nội về việc ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hà Nội:

+ Bồi thường 100% đơn giá đất ở đối với diện tích sử dụng trước 15/10/1993 (Điều 17 Quyết định số 108/ QĐ-UBND ngày 29/9/2009 của UBND Thành phố Hà Nội):

+ 64, 8 m² X 18.840.000 đồng/m² X 1,8 X 100% = 2.197.497.000 đồng.

+ Hỗ trợ công tôn tạo đối với diện tích 16,4 m² nằm trong hành lang mương thoát nước:

+ 16,4 m² X 50.000 đồng/m² = 820.000 đồng.

+ Bồi thường, hỗ trợ về nhà và tài sản trên đất: 87.44.010 đồng.

+ Đền bù cây cối hoa màu: 178.000 đồng.

+ Các khoản hỗ trợ khác: 15.960.000 đồng.

+ Thưởng tiến độ: 5.000.000 đồng

Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ: 2.306.899.610 đồng và xét mua 01 căn hộ tái định cư.

- Ngày 20/12/2016, UBND quận ĐĐ có Quyết định số 6020/QĐ- UBND phê duyệt phương án điều chỉnh bổ sung về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với hộ gia đình bà Lê Thị N, cụ thể:

+ Tăng số tiền đền bù về đất thêm 209.944.440 đồng.

+ Tổng số tiền đền bù, hỗ trợ sau điều chỉnh: 2.511.844.010 đồng (Lý do điều chỉnh: UBND phường TP xác nhận bổ sung diện tích 6,2 m² hộ gia đình bà N đang sử dụng có nằm trong bản đồ địa chính năm 1994, được bồi thường 100% đơn giá đất ở).

Như vậy, UBND quận ĐĐ đã lập, phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư đối với hộ gia đình bà Lê Thị N đủ 71 m² đất theo bản đồ năm 1994 và sổ địa chính đúng trình tự, thủ tục và chính sách bồi thường, hỗ trợ cho gia đình bà N là đúng quy định.

Còn 10,2 m² bà N đang sử dụng sau năm 1993, không nằm trong bản đồ năm 1994 và sổ địa chính, xác định là đất nằm trong hành lang bảo vệ mương thoát nước L1A Linh Lang- Xã Đàn, nên không được bồi thường, chỉ được hỗ trợ với đơn giá 50.000 đồng/m² theo quyết định 108/QĐ-UBND ngày 29/9/2009 của UBND thành phố Hà Nội là đúng chính sách.

Như vậy Quyết định số 9781/QĐ-UBND ngày 18/11/2013 và Quyết định số 6020/QĐ-UBND ngày 20/12/2016 của UBND quận ĐĐ về việc phê duyệt phương án bồi thường đối với hộ gia đình bà N là đúng trình tự thủ tục, áp dụng đúng chính sách bồi thường, hỗ trợ.

[2.2]. Xét Quyết định số 1950/QĐ-UBND ngày 11/5/2016 của Chủ tịch UBND quận ĐĐ và Quyết định số 5320/QĐ-UBND ngày 26/9/2016 của Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội về việc giải quyết khiếu nại.

Sau khi nhận được đơn khiếu nại của bà N thì Chủ tịch UBND đã giao cho Thanh tra quận, Thanh tra thành phố xác minh làm rõ để giải quyết.

Xét báo cáo xác minh của Thanh tra quận ĐĐngày 28/4/2016, của Thanh tra thành phố tại Báo cáo số 1469/BC-TTTP(P1) ngày 23/8/2016.

Nội dung: Bà Lê Thị N khiếu nại Quyết định 9718/QĐ-UBND ngày 18/11/2013 của UBND quận ĐĐ về việc phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ đối với phần 16,4 m² gia đình bà đang quản lý sử dụng.

Theo xác nhận về nguồn gốc đất ngày 08/01/2016 của UBND phường TP: Trong 16,4 m² đất của gia đình bà N yêu cầu xem xét bồi thường có 6,2 m² thuộc thửa đất 278a tờ bản đồ số 6H-I-08 do UBND phường TP quản lý, phần diện tích 10,2 m² không nằm trong thửa đất 278a tờ bản đồ 6H-I-08. Ngày 11/5/2016, Chủ tịch UBND quận ĐĐ ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 1950/QĐ-UBND, theo đó bổ sung phần diện tích 6,2 m² đất được bồi thường 100% , phần diện tích 10,2 m² nằm trong hành lang bảo vệ mương thoát nước nên chỉ được đền bù hỗ trợ, công tôn tạo theo quy định.

Ngày 26/9/2016, Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội ban hành Quyết định số 5320/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của bà N, theo đó giữ nguyên Quyết định giải quyết lần đầu số 1950/ QĐ-UBND của Chủ tịch UBND quận ĐĐ.

Như vậy, các Quyết định số 1950 và 5320 về việc giải quyết khiếu nại là đúng quy định của pháp luật.

[2.3]. Đối với Văn bản số 74/HĐ và số 1160/1160/UBND-BQLDAĐTXD ngày 03/7/2018 của UBND quận ĐĐ.

Ngày 13/6/2018, bà Lê Thị N gửi đơn đến UBND quận ĐĐ kiến nghị về Quyết định số 9718 của UBND quận ĐĐ đền bù còn thiếu 10,2 m² đất của gia đình bà với mức giá 100% đơn giá đền bù về đất ở chứ không phải 50.000 đồng hỗ trợ công tôn tạo.

Ngày 11/5/2016, Chủ tịch UBND quận ĐĐ ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 1950 và ngày 26/9/2016, Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 5320.

Ngày 20/12/2016, sau khi có quyết định giải quyết khiếu nại, UBND quận ĐĐ ban hành Quyết định 6020 điều chỉnh bổ sung phương án bồi thường đối với hộ bà N. Bà N đã nhận tiền bồi thường hỗ trợ điều chỉnh. Ngày 4/4/2018 và ngày 03/7/2018, UBND quận ĐĐ đã trả lời bà N tại Văn bản số 74 và 1160 với nội dung: "Phần diện tích 10,2 m² bà Lê Thị N đề nghị đền bù, hỗ trợ là không có cơ sở giải quyết". Do đó, các văn bản của UBND quận ĐĐ trả lời bà N là có căn cứ, nội dung khởi kiện yêu cầu hủy các văn bản này là không có có sở.

Từ các phân tích trên thấy việc Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N là có căn cứ nên kháng cáo đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện là không có căn cứ chấp nhận. Tuy không được chấp nhận kháng cáo nhưng do bà N là người cao tuổi nên được miễn án phí.

Vì các lẽ trên; căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Không chấp nhận kháng cáo của của bà Lê Thị N. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 56/2020/HC-ST ngày 25 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

2. Miễn án phí hành chính phúc thẩm cho bà Lê Thị N.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- *VKSND cấp cao tại Hà Nội;*
- *TAND TP Hà Nội;*
- *VKSND TP Hà Nội;*
- *Cục THADS TP Hà Nội;*
- *Các đương sự (theo địa chỉ);*
- *Lưu HS, phòng HCTP.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Hồng Sơn